

# U XƠ CƠ TỬ CUNG

BS DƯƠNG ĐĂNG NGỌC PHƯƠNG  
PK PHỤ KHOA

# TỔNG QUAN :

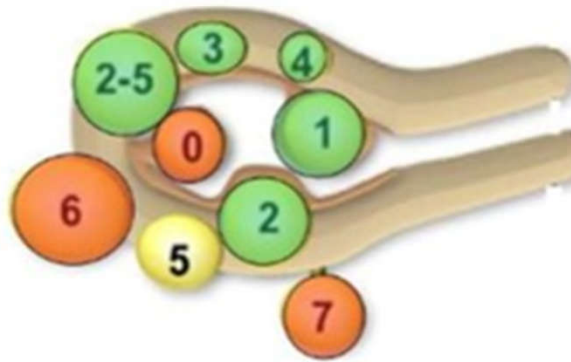
- U xơ cơ tử cung ( leiomyoma- UXCTC) :trước đây thường được gọi theo u xơ tử cung , là khối u lành tính, do sự phát triển quá mức của sợi cơ trơn và mô liên kết tử cung ( Breech và cs, 2003).
- Thường không có triệu chứng ( Sciara và cs, 1986) : phát hiện tình cờ qua khám hay siêu âm .
- Một số trường hợp gây biến chứng : cường kinh gây thiếu máu, đau vùng chậu , triệu chứng chèn ép...
- Cần chẩn đoán phân biệt với sarcoma tử cung : tỉ lệ : 0,26 %: UXCTC đã được phát hiện từ lâu -> đột ngột lớn nhanh /MK hay mới xuất hiện khi đã MK là một dấu hiệu nghi ngờ ác tính cao ( Vilos và cs , 2015 ) .

# Phân loại theo vị trí :

**Bảng 1. Phân loại UXCTC theo FIGO, 2011.**



|                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                              |                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| UXCTC                                                                                                                                                                                                                     | 0                                                                                                            | Có cuống, trong buồng tử cung                       |
|                                                                                                                                                                                                                           | 1                                                                                                            | > 50% trong buồng tử cung                           |
|                                                                                                                                                                                                                           | 2                                                                                                            | ≤ 50% trong buồng tử cung                           |
| O – Khác                                                                                                                                                                                                                  | 3                                                                                                            | Dưới niêm nhưng 100% trong cơ tử cung               |
|                                                                                                                                                                                                                           | 4                                                                                                            | Hoàn toàn nằm trong cơ tử cung                      |
|                                                                                                                                                                                                                           | 5                                                                                                            | Dưới thanh mạc, ≥ 50% trong cơ tử cung              |
|                                                                                                                                                                                                                           | 6                                                                                                            | Dưới thanh mạc, < 50% trong cơ tử cung              |
|                                                                                                                                                                                                                           | 7                                                                                                            | Dưới thanh mạc, có cuống                            |
|                                                                                                                                                                                                                           | 8                                                                                                            | Vị trí khác (cổ tử cung, các cơ quan quanh tử cung) |
|                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                              |                                                     |
| <p>Nếu u xơ nằm trọn trong cơ và lồi ra dưới niêm và dưới thanh mạc, có thể có 2 số chỉ vị trí khối u, 2-5, cách nhau bằng 1 gạch nối. Theo quy ước, số đầu chỉ khối u gần niêm mạc, số sau chỉ khối u gần thanh mạc.</p> |                                                                                                              |                                                     |
| UXCTC (L2-5)                                                                                                                                                                                                              | Dưới niêm và dưới thanh mạc (< 50% nằm trong lòng tử cung và < 50% lồi ra dưới thanh mạc, hướng vào ổ bụng). |                                                     |

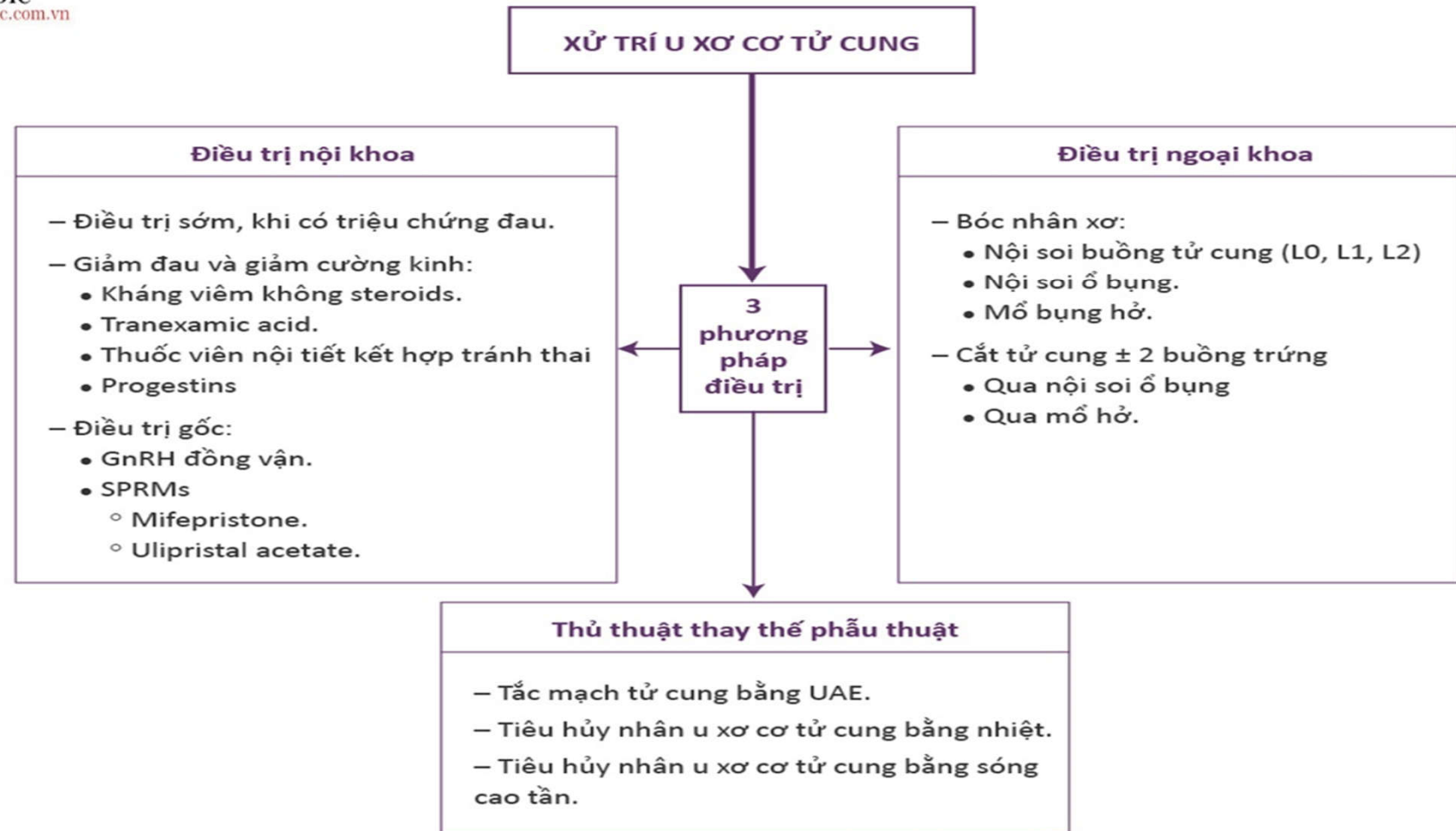


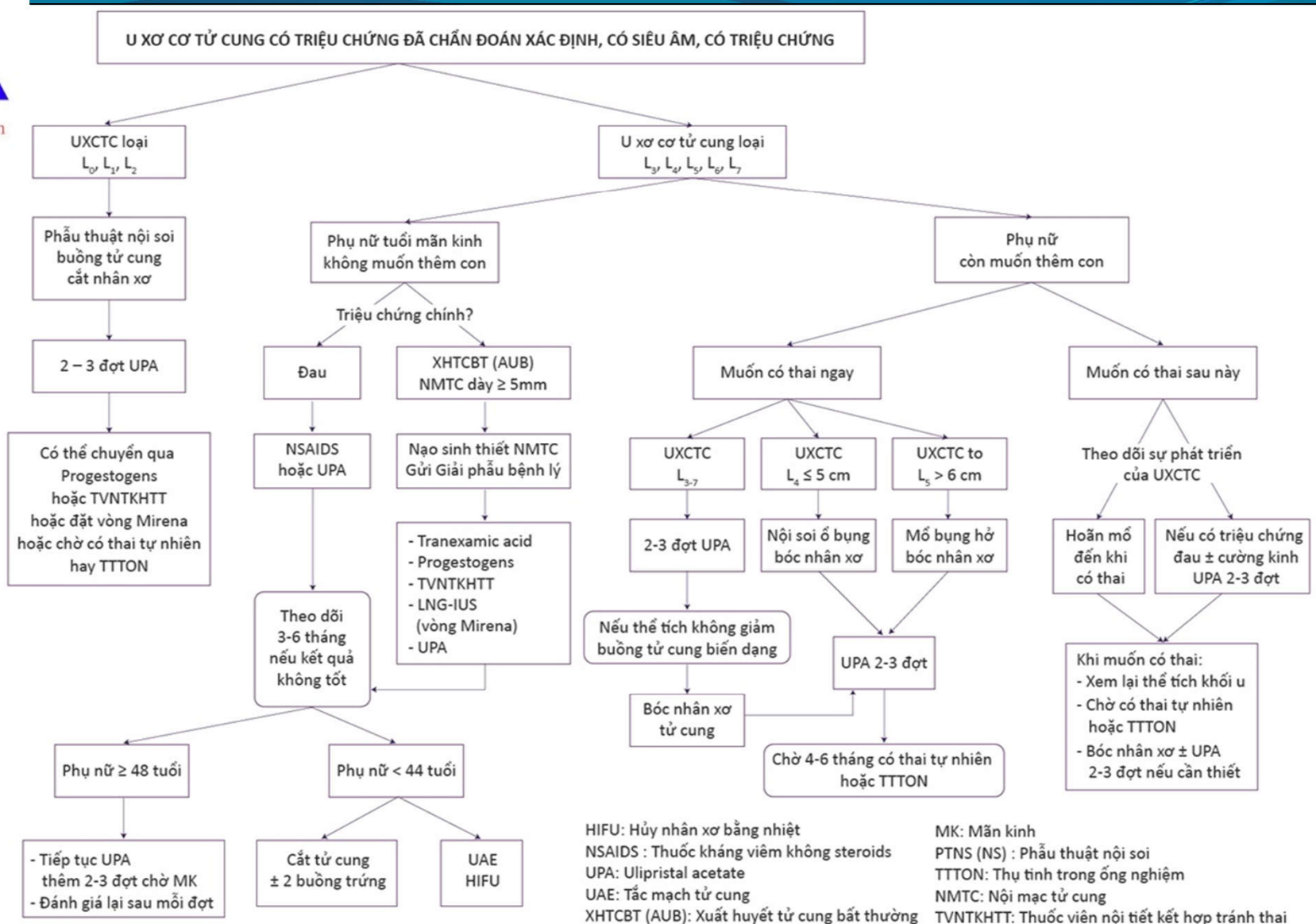
## Xử trí :

Cá thể hóa điều trị dựa vào các yếu tố ( III-B ) :

- Triệu chứng
- Kích thước
- Vị trí
- Tuổi
- Mong muốn sinh đẻ thêm hoặc giữ TC
- Điều kiện y tế hiện có
- Kinh nghiệm của PTV
- Theo dõi : bn không triệu chứng , không có bằng chứng gợi ý ác tính , bn có thai ( III- D )

# Xử trí :







# TH 1:

\* Tiền căn :

PARA : 2012

1. Hẹp niệu quản và sỏi thận T đang điều trị và theo dõi BV BD : 12 năm nay.

2. U xơ cơ tử cung : 5 năm BVHV : theo dõi mỗi 3->6 tháng .

- Cách 3 tháng : chẩn đoán : NXCTC kt trung bình , chưa biến chứng ? + pap : bình thường  
- Ngừa thai : vòng T, hành kinh 3-5 ngày , lượng vừa .

\* Lý do khám : đau trần hạ vị 7 ngày / tiểu khó ( khám tổng quát )

\* Khám phụ khoa :

- MV : âm đạo sạch , CTC lảng  
- TV : TC to, di động , kt TC # TC mang thai #16ws, bụng mềm , ấn đau nhẹ vùng hạ vị , không dấu đề kháng



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P. 4, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - Mail: hoahao254@medic.com.vn

## THÔNG TIN BỆNH NHÂN

Họ tên: **PHẠM THỊ Q** - ID: **5058597**  
Năm sinh: **1975** - Nữ - Điện thoại: **097**  
Địa chỉ: **H. Hớn Quản, T. Bình Phước**

## LỊCH SỬ KHÁM BỆNH

- **NGÀY 30/03/2021** (Xem)



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA (Tên cũ : TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA MEDIC)  
Địa chỉ : 254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP.HCM - ĐT : 028.39270284 - 028.39272136  
Email : hoahao254@medic.com.vn ; Website : www.medic.com.vn

Khoa : SIÊU ÂM TỔNG QUÁT - Phòng 11 - Máy: ALOKA -ProSound α6

## KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU

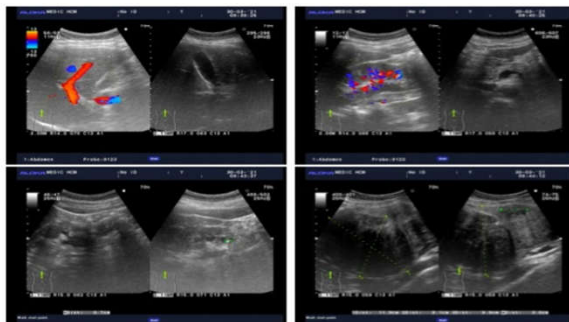


[Quét QR Code để xem KQ]

ID : 5058597 Ngày ĐK: 30/03/2021 07:29  
Họ và tên : PHẠM THỊ 46 tuổi Nữ  
Địa chỉ : K. Thanh An, H. Hớn Quản, T. Bình Phước --  
Lâm sàng : KIỂM TRA SỨC KHỎE - ĐAU HẠ VỊ  
BS chỉ định : BS. HUỖNH ĐỨC THỰC ĐOÀN  
BV chỉ định : MEDIC

### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT MÀU

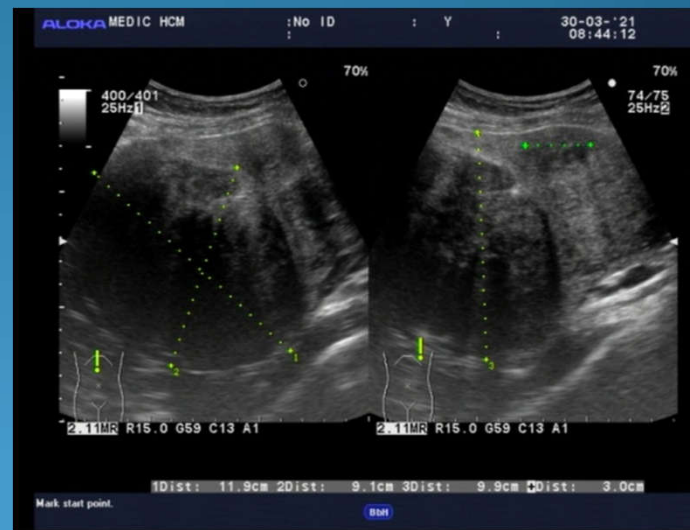
- GAN: Không to, bờ đều, cấu trúc đồng dạng, echo dày, giảm âm vùng sâu, không sang thương khu trú.
- MẬT: túi mật không sỏi, vách mỏng. Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.
- TỤY: Cấu trúc, kích thước bình thường. LÁCH: không to, đồng dạng.
- THẬN P: không sỏi, không ứ nước. THẬN T: có sỏi d# 6mm, ứ nước độ 1
- BÀNG QUANG: không sỏi, không bướu, vách mỏng.
- TỬ CUNG: DAP=130 MM, NỘI MẠC=7MM, LÔNG TỬ CUNG CÓ VÒNG TRÁNH THAI ĐÚNG VỊ TRÍ, RAI RÁC TRONG CƠ CỎ NHIỀU NHÂN ECHO KÉM, GIỚI HẠN RÕ D MAX=119X91MM, HAI BUỒNG TRỨNG HẠN CHẾ KHẢO SÁT
- Động mạch chủ bụng không phình. Ascites (-). Không hạch ổ bụng. Không tràn dịch màng phổi.



**KẾT LUẬN :** GAN NHIỄM MỠ--SỎI THẬN TRÁI+THẬN TRÁI Ứ NƯỚC ĐỘ 1.  
ĐA U XƠ TỬ CUNG.

**Đề nghị :**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30/03/2021 08:58  
(Bác sĩ đã ký)





CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (08) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (08) 3927 0284 (Đất 1134) - Fax: (08) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

Họ tên: PHẠM THỊ

Địa chỉ:

Đơn vị: Medic

H. HON QUAN, T. BINH PHUOC

BS yêu cầu: HUYNH.D.T.DOAN (PK.TQ)/ 7

PID: 5058597 S.T.T.: 1740

Ngày giờ đăng ký: 07:07:41 30/03/2021

Ngày giờ lấy mẫu: 07:18:03 30/03/2021

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

(Bản TT.XN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2018 - Phiên bản: 1.3)

Năm sinh: 1975 Phái: Nữ ĐT: 097

Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

**TÊN XÉT NGHIỆM KẾT QUẢ KHOẢNG THAM CHIẾU MÃ QT**  
**I. HUYẾT HỌC / ĐỒNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION**  
**NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)<sup>1</sup>**

|                  |        |                                  |         |
|------------------|--------|----------------------------------|---------|
| WBC              | 8.86   | (4.0-10.0)10 <sup>9</sup> /L     | QTHH019 |
| % Neu            | 65.9   | (40 - 74 %)                      |         |
| % Lym            | 24.0   | (19 - 48 %)                      |         |
| % Mono           | 3.8    | (3 - 9 %)                        |         |
| % Eos            | 6.1    | (0 - 7 %)                        |         |
| % Baso           | 0.2    | (0 - 1.5 %)                      |         |
| # Neu            | 5.83   | (1.7 - 7.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Lym            | 2.13   | (1.0 - 4.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Mono           | 0.34   | (0.1 - 1.0) 10 <sup>9</sup> /L   |         |
| # Eos            | 0.54 H | (0 - 0.5) 10 <sup>9</sup> /L     |         |
| # Baso           | 0.02   | (0 - 0.2) 10 <sup>9</sup> /L     |         |
| RBC <sup>1</sup> | 4.88   | (3.80 - 5.60)10 <sup>12</sup> /L |         |
| Hb <sup>1</sup>  | 14.0   | (12 - 18 g/dL)                   |         |
| Hct              | 41.5   | (35 - 52 %)                      |         |
| MCV              | 85.0   | (80 - 97 fL)                     |         |
| MCH              | 28.7   | (26 - 32 pg)                     |         |
| MCHC             | 33.7   | (31 - 36 g/dL)                   |         |
| RDW              | 12.2   | (11.0 - 15.7%)                   |         |
| PLT              | 289    | (130 - 400)10 <sup>9</sup> /L    |         |
| MPV              | 9.7    | (6.30 - 12.0 fL)                 |         |

**II. VI SINH/NƯỚC TIỂU THƯỜNG QUI - MICROBIOLOGY/URINARY ANALYSIS:**

**1)Chemistry (Sinh Hóa) :**

|             |       |               |
|-------------|-------|---------------|
| Glucose     | NEG   | (mmol/L)      |
| Bilirubin   | NEG   | (μmol/L)      |
| Ketone      | NEG   | (mmol/L)      |
| Spe-Gravity | 1.014 | (1.005-1.030) |

Lấy mẫu tại nhà:  
0935 365 116

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2013  
2. \*\*: Kết quả báo động  
3. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (08) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (08) 3927 0284 (Đất 1134) - Fax: (08) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

Họ tên: PHẠM THỊ

Địa chỉ:

Đơn vị: Medic

THANH AN, H. HON QUAN, T. BINH PHUOC

BS yêu cầu: HUYNH.D.T.DOAN (PK.TQ)/ 7

PID: 5058597 S.T.T.: 1740

Ngày giờ đăng ký: 07:07:41 30/03/2021

Ngày giờ lấy mẫu: 07:18:03 30/03/2021

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

(Bản TT.XN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2018 - Phiên bản: 1.3)

Năm sinh: 1975 Phái: Nữ ĐT: 09

Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

|                                                      |                       |                                    |              |
|------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------|--------------|
| <b>TÊN XÉT NGHIỆM</b>                                | <b>KẾT QUẢ</b>        | <b>KHOẢNG THAM CHIẾU</b>           | <b>MÃ QT</b> |
| <b>SGOT (AST)<sup>1</sup></b>                        | <b>20.23</b>          | (< 35 U/L)                         | QTSH005      |
| <b>SGPT (ALT)<sup>1</sup></b>                        | <b>22.55</b>          | (3 - 30 U/L)                       | QTSH013      |
| <b>Uric Acid/Serum</b>                               | <b>6.06 H</b>         | (M : 3.4-7.0; F : 2.4-5.7mg/dL)    | QTSH014      |
| <b>hs CRP</b>                                        | <b>3.28 H</b>         | (≤ 3 mg/L)                         | QTSH028      |
| <b>Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)</b>                     | <b>*</b>              |                                    |              |
| <b>Creatinin/Serum</b>                               | <b>0.634</b>          | (M: 0.6 - 1.3; F: 0.5 - 1.1 mg/dL) | QTSH027      |
| <b>eGFR (CKD-EPI)</b>                                | <b>107</b>            | (≥ 90 mL/min/1.73 m <sup>2</sup> ) |              |
| <b>LDL Cholesterol</b>                               | <b>5.94 H</b>         | (< 3.60 mmol/L)                    | QTSH093      |
| <b>Triglycerides<sup>1</sup></b>                     | <b>3.01 H</b>         | (0.5 - 2.30 mmol/L)                | QTSH015      |
| <b>Cholesterol, Total<sup>1</sup></b>                | <b>7.92 H</b>         | (2.6 - 5.2 mmol/L)                 | QTSH003      |
| <b>IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b>                    |                       |                                    |              |
| <b>TSH u.sensitive (3rd G)<sup>1</sup></b>           | <b>3.48</b>           | (0.32-5 μIU/ml)                    | QTMD009      |
| <b>Free T4</b>                                       | <b>0.700 L</b>        | (0.71 - 1.85 ng/dl)                | QTMD036      |
| <b>HBsAg (Định tính, qualitative)<sup>1</sup></b>    | <b>NEG S/CO 0.340</b> | (Index <1; S/Co <1)                | QTMD017      |
| <b>Anti HBs (Định lượng, quantitative)</b>           | <b>3.73</b>           | (≥ 10 mIU/mL)                      | QTMD123      |
| <b>Anti HCV (Định tính, qualitative)<sup>1</sup></b> | <b>NEG S/CO 0.080</b> | (S/Co < 1; Index < 1)              | QTMD018      |

Ngày 30/03/2021

Khoa Xét nghiệm

*Trần*

Bs. Nguyễn Bảo Toàn

phiếm đã ký trả bệnh nhân.



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (08) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (08) 3927 0284 (Đất 1134) - Fax: (08) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com / www.medic-lab.com.vn

Họ tên: PHẠM THỊ

Địa chỉ:

Đơn vị: Medic

THANH AN, H. HON QUAN, T. BINH PHUOC

BS yêu cầu: HUYNH.D.T.DOAN (PK.TQ)/ 7

PID: 5058597 S.T.T.: 1740

Ngày giờ đăng ký: 07:07:41 30/03/2021

Ngày giờ lấy mẫu: 07:18:03 30/03/2021

PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM

(Bản TT.XN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2018 - Phiên bản: 1.3)

Năm sinh: 1975 Phái: Nữ ĐT: 097

Loại mẫu: Máu/N.Tiểu

|                                     |                |                          |              |
|-------------------------------------|----------------|--------------------------|--------------|
| <b>TÊN XÉT NGHIỆM</b>               | <b>KẾT QUẢ</b> | <b>KHOẢNG THAM CHIẾU</b> | <b>MÃ QT</b> |
| <b>Blood</b>                        | <b>NEG</b>     | (NEGATIVE)               |              |
| <b>pH</b>                           | <b>7.0</b>     | (4.6-8.0)                |              |
| <b>Protein</b>                      | <b>NEG</b>     | (g/L)                    |              |
| <b>Urobilinogen</b>                 | <b>NEG</b>     | (μmol/L)                 |              |
| <b>Nitrite</b>                      | <b>NEG</b>     | (NEGATIVE)               |              |
| <b>Leucocytes</b>                   | <b>NEG</b>     | (NEGATIVE)               |              |
| <b>Color</b>                        | <b>Yellow</b>  |                          |              |
| <b>Clarity</b>                      | <b>Clear</b>   |                          |              |
| <b>2)Urine Sediment (Cặn Lắng):</b> | <b>*</b>       | (particles/μL)           |              |
| <b>Red Blood Cells</b>              | <b>4</b>       | (0 - 15)                 |              |
| <b>Leucocytes</b>                   | <b>4</b>       | (0 - 15)                 |              |
| <b>Calcium oxalate monohydrate</b>  | <b>0</b>       | (0 - 6)                  |              |
| <b>Calcium oxalate dihydrate</b>    | <b>0</b>       | (0 - 6)                  |              |
| <b>Amor.Phosphate</b>               | <b>0</b>       | (0 - 6)                  |              |
| <b>Uric acid</b>                    | <b>0</b>       | (0 - 6)                  |              |
| <b>Casts</b>                        | <b>0</b>       | (0 - 6)                  |              |
| <b>Epithelial Cells</b>             | <b>4</b>       | (0 - 10)                 |              |
| <b>Bacteria</b>                     | <b>1</b>       | (0 - 130)                |              |
| <b>III. SINH HOA - BIOCHEMISTRY</b> |                |                          |              |
| <b>HbA1c (HPLC)<sup>1</sup>:</b>    | <b>*</b>       |                          | QTSH012      |
| <b>HbA1c (IFCC)</b>                 | <b>37.05</b>   | (21.3 - 47.5 mmol/mol)   |              |
| <b>HbA1c (NGSP)</b>                 | <b>5.54</b>    | (4.10 - 6.50 %A1C)       |              |
| <b>IONOGRAMME:</b>                  | <b>*</b>       |                          | QTSH067      |
| <b>Na</b>                           | <b>137.8</b>   | (130 - 145 mmol/L)       |              |
| <b>K</b>                            | <b>4.07</b>    | (3.40 - 5.1 mmol/L)      |              |
| <b>Ca</b>                           | <b>2.32</b>    | (2.1 - 2.80 mmol/L)      |              |
| <b>Cl</b>                           | <b>104.8</b>   | (96 - 108 mmol/L)        |              |
| <b>Glucose (FPG)<sup>1</sup></b>    | <b>4.61</b>    | (3.90 - 5.90 mmol/L)     | QTSH001      |
| <b>GGT<sup>1</sup></b>              | <b>27.71</b>   | (M < 55 U/L; F < 36 U/L) | QTSH004      |

Lấy mẫu tại nhà:

0935 365 116

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:  
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)  
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2013  
2. \*\*: Kết quả báo động  
3. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2013

2. \*\*: Kết quả báo động

3. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

Số trang: 2/3

H: High - L: Low

## PK DK HOA HAO - MEDIC

Patient ID: 5058597  
Patient Name: PHAM THI  
Date of Birth: 01 Jan 1975  
Gender: F

Referring Physician:  
Exam Type:  
Scan Date: 30 Mar 2021  
Report Date: 30 Mar 2021-11:49AM



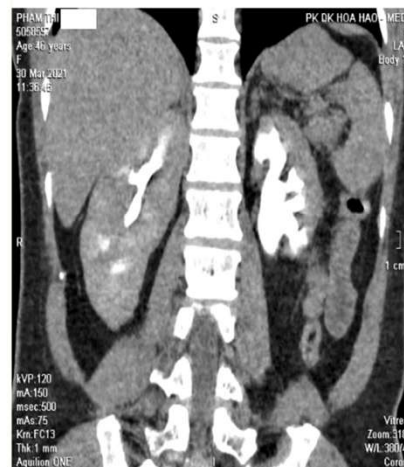
Enter the general comments here.

Patient: PHAM THI Page: 2 of 2

## PK DK HOA HAO - MEDIC

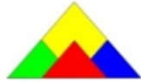
Patient ID: 5058597  
Patient Name: PHAM THI  
Date of Birth: 01 Jan 1975  
Gender: F

Referring Physician:  
Exam Type:  
Scan Date: 30 Mar 2021  
Report Date: 30 Mar 2021-11:49AM



3

4



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
Địa chỉ : 254 Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, TP. HCM  
Điện thoại : 028.39270284 - 028.39272136  
Email : hoahao254@medic.com.vn ; Website : www.medic.com.vn



## MEDIC CT SCAN REPORT

STT : 210330130 Ngày ĐK : 30/03/2021 10:00 [Quét QR Code để xem KQ]  
Bệnh nhân : PHẠM THỊ Tuổi : 46 Nữ  
Địa chỉ : H. Hồn Quán, T. Bình Phước - ĐT : 09  
Bác sĩ chỉ định : BS. HUỖNH ĐỨC THỰC ĐOAN Khoa : PK  
Bệnh viện : MEDIC  
LÝ DO KHÁM : kiểm tra sức khỏe - đau hạ vị  
Máy : MSCT 640 \_ 1



Vùng : CT VÙNG BỤNG Không, sau đó tiêm tương phản  
Kết quả : \*\* KỸ THUẬT:  
Vùng bụng - chậu được khảo sát với các lát hình liên tục 2mm với máy MSCT Aquilion, không và có tiêm thuốc cản quang.

**\*\* KẾT QUẢ:**  
Gan không to, bờ đều, nhu mô gan đồng nhất. Không thấy focal bất thường trong nhu mô gan.  
Đường mật trong và ngoài gan không giãn. Túi mật không to, vách mỏng, không sỏi cản quang.  
Lách và tụy hình dạng kích thước bình thường.  
Thận phải hình dạng kích thước bình thường, không sỏi cản quang, không ứ nước.  
Thận trái teo ứ nước độ II. Không thấy sỏi cản quang niệu quản trái.  
Bàng quang hình dạng kích thước bình thường, vách mỏng.  
Tử cung có thiếu thương tổn mật độ mô mềm kích thước 2-12cm. Thương tổn bắt thuốc cản quang vừa phải và không dấu xâm lấn xung quanh.  
Không thấy hạch trong vùng khảo sát.  
Không thấy dịch tự do trong vùng khảo sát.  
**\*\*\* KẾT LUẬN:**  
ĐA U XƠ TỬ CUNG  
THẬN TRÁI TEO VÀ Ứ NƯỚC ĐỘ II.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30/03/2021 11:58  
(Bác sĩ đã ký)

BN được phẫu thuật cắt bỏ tử cung chưa 2pp ( BVUB )  
-> kq GPB : U CƠ TRƠN TC LÀNH



## TH 2 :

\*Tiền căn :

PARA : 2032

- Cách 5 năm : **U xơ cơ TC + lạc nội mạc TC**
- **Cường kinh – thống kinh** đã dt nhiều đợt (dt nội tiết ) BVTĐ # 2 năm ( có đợt dị ứng thuốc NT + không thấy giảm thống kinh -> BN không theo dõi # 1 năm )
- **2 lần sanh mổ , hành kinh 4-5 ngày , lượng nhiều : 1 miếng tã lớn / 1 tiếng, máu cục x 3 tháng , không ngừa thai .**
- Bn : ăn uống khỏe , đi tiêu tiểu bình thường

\* Lý do khám : KTSK

\*Khám :

- TQ: tổng trạng trung bình , **da niêm : hồng nhạt**
- PK : AH :bt , Â Đ:ít khí hư , CTC viêm tái tạo
- TV : TC to, kt # TC thai 12ws, di động , ấn không đau , 2PP : không sờ chạm

 CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P. 4, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - Mail: hoahao254@medic.com.vn

### THÔNG TIN BỆNH NHÂN

Họ tên: **HÀ THỊ KIM** ID: 6328461  
Năm sinh: **1978** - Nữ - Điện thoại: **098**  
Địa chỉ: **22 , P. Thạnh Xuân , Q. 12 , Tp. HCM**

### LỊCH SỬ KHÁM BỆNH

- **NGÀY 09/03/2021** (Xem)
- **NGÀY 03/03/2021** (Xem)



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA (Tên cũ : TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA MEDIC)  
Địa chỉ : 254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP.HCM - ĐT : 028.39270284 - 028.39272136  
Email : hoahao254@medic.com.vn ; Website : www.medic.com.vn

Khoa : SIÊU ÂM TỔNG QUÁT - Phòng 10 - Máy: Medison R5

## KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU

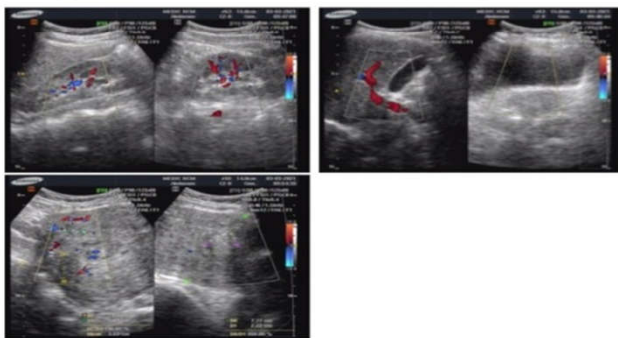


[Quét QR Code để xem KQ]

ID : 6328461 Ngày ĐK: 03/03/2021 08:57  
Họ và tên : HÀ THỊ KIM 43 tuổi Nữ  
Địa chỉ : rờng Tx. 22 , P. Thạnh Xuân , Q. 12 , Tp. HCM --  
098:  
Lâm sàng : KTTQ  
BS chỉ định : BS. NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI  
BV chỉ định : MEDIC

### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT MÀU

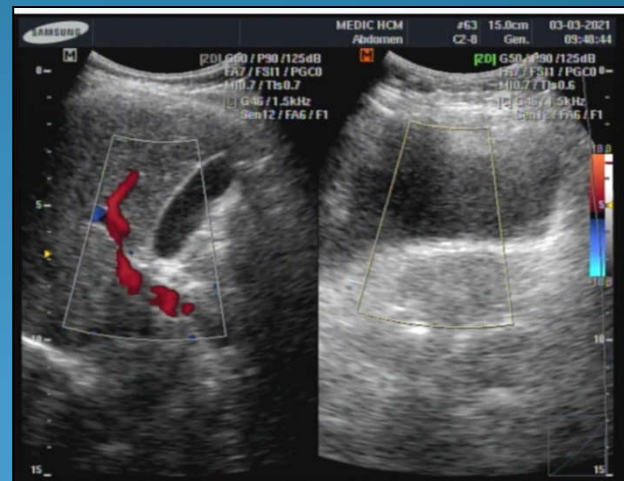
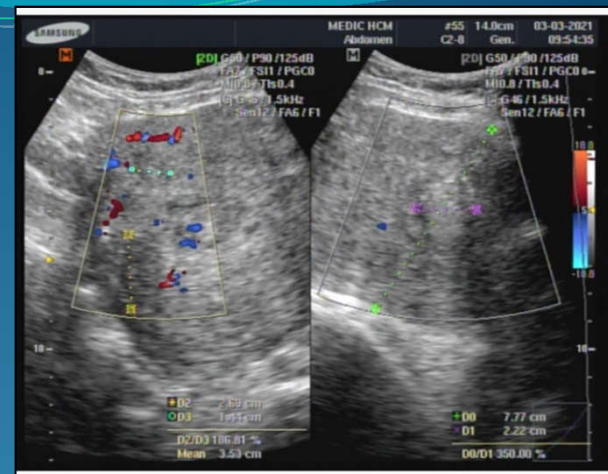
- GAN: Không to, bờ đều, cấu trúc đồng dạng, không sang thương khu trú.
- MẬT: túi mật không sỏi, vách mỏng. Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.
- TỤY: Cấu trúc, kích thước bình thường. LÁCH: không to, đồng dạng.
- THẬN P: không sỏi, không ứ nước. THẬN T: không sỏi, không ứ nước.- BÀNG QUANG: không sỏi, không bướu, vách mỏng.
- TỬ CUNG : dAP=77mm, có nhiều nhân echo kém không tăng sinh mạch máu d=14mm-->26mm ở thành trước và sau thân. HAI BUỒNG TRỨNG : không u.
- Động mạch chủ bụng không phình. Ascites (-). Không hạch ổ bụng. Không tràn dịch màng phổi.



KẾT LUẬN : ĐA NHÂN XƠ TỬ CUNG

Đề nghị :

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03/03/2021 09:53  
(Bác sĩ đã ký)





CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (08) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (08) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (08) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: 6328461 S.T.T.:  
Ngày giờ đăng ký: 08:42:50  
Ngày giờ lấy mẫu: 08:53:26  
**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(Bản TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2018)

Họ tên: **HÀ THỊ KIM**

Địa chỉ: **ƯỜNG TX. 22, P. THANH XUÂN, Q. 12, TP. HCM**

Đơn vị: **Medic**

Năm sinh: **1978** Phái: **Nữ** DT:

Loại mẫu: **Máu**

BS yêu cầu: **NGUYỄN.T.T.MAI (PK.TQ)/  
(PK.PHỤ KHOA)**

| TÊN XÉT NGHIỆM                                            | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU                |
|-----------------------------------------------------------|---------|----------------------------------|
| <b>I. HUYẾT HỌC / ĐỒNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION</b> |         |                                  |
| ESR (VS):                                                 | *       |                                  |
| h-1                                                       | 28      | mm                               |
| h-2                                                       | 55      | mm                               |
| NFS(C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)                                 | *       |                                  |
| WBC                                                       | 7.31    | (4.0-10.0)10 <sup>9</sup> /L     |
| % Neu                                                     | 61.0    | (40 - 74 %)                      |
| % Lym                                                     | 25.9    | (19 - 48 %)                      |
| % Mono                                                    | 10.10   | (3 - 9 %)                        |
| % Eos                                                     | 2.5     | (0 - 7 %)                        |
| % Baso                                                    | 0.5     | (0 - 1.5 %)                      |
| # Neu                                                     | 4.46    | (1.7 - 7.0) 10 <sup>9</sup> /L   |
| # Lym                                                     | 1.89    | (1.0 - 4.0) 10 <sup>9</sup> /L   |
| # Mono                                                    | 0.74    | (0.1 - 1.0) 10 <sup>9</sup> /L   |
| # Eos                                                     | 0.18    | (0 - 0.5) 10 <sup>9</sup> /L     |
| # Baso                                                    | 0.04    | (0 - 0.2) 10 <sup>9</sup> /L     |
| RBC                                                       | 4.29    | (3.80 - 5.60)10 <sup>12</sup> /L |
| Hb                                                        | 8.5 L   | (12 - 18 g/dL)                   |
| Hct                                                       | 29.3 L  | (35 - 52 %)                      |
| MCV                                                       | 68.2 L  | (80 - 97 fL)                     |
| MCH                                                       | 19.8 L  | (26 - 32 pg)                     |
| MCHC                                                      | 29.1 L  | (31 - 36 g/dL)                   |
| RDW                                                       | 17.0 H  | (11.0 - 15.7%)                   |
| PLT                                                       | 399     | (130 - 400)10 <sup>9</sup> /L    |
| MPV                                                       | 6.6     | (6.30 - 12.0 fL)                 |

## II. VI SINH/NƯỚC TIỂU THƯỜNG QUI - MICROBIOLOGY/

### URINARY ANALYSIS:

#### 1)Chemistry (Sinh Hóa) :

|           |     |          |
|-----------|-----|----------|
| Glucose   | NEG | (mmol/L) |
| Bilirubin | NEG | (μmol/L) |
| Ketone    | NEG | (mmol/L) |

Lấy mẫu tại nhà:

0935 365 116

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:

- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)

- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO

2. \*\* Kết quả báo động

3. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (08) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (08) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (08) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: 6328461 S.T.T.:  
Ngày giờ đăng ký: 08:42:50  
Ngày giờ lấy mẫu: 08:53:26  
**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(Bản TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2018)

Họ tên: **HÀ THỊ KIM**

Địa chỉ: **ĐƯỜNG TX. 22, P. THANH XUÂN, Q. 12, TP. HCM**

Đơn vị: **Medic**

Năm sinh: **1978** Phái: **Nữ** DT:

Loại mẫu: **Máu**

BS yêu cầu: **NGUYỄN.T.T.MAI (PK.TQ)/  
(PK.PHỤ KHOA)**

| TÊN XÉT NGHIỆM                      | KẾT QUẢ | KHOẢNG THAM CHIẾU    |
|-------------------------------------|---------|----------------------|
| Spe-Gravity                         | 1.013   | (1.005-1.030)        |
| Blood                               | POS     | (NEGATIVE)           |
| pH                                  | 6.5     | (4.6-8.0)            |
| Protein                             | 3.0 H   | (g/L)                |
| Urobilinogen                        | NEG     | (μmol/L)             |
| Nitrite                             | NEG     | (NEGATIVE)           |
| Leucocytes                          | NEG     | (NEGATIVE)           |
| Color                               | Yellow  |                      |
| Clarity                             | Clear   |                      |
| <b>2)Urine Sediment (Cặn Lắng):</b> |         |                      |
| Red Blood Cells                     | 62 H    | (0 - 15)             |
| Leucocytes                          | 14      | (0 - 15)             |
| Calcium oxalate monohydrate         | 0       | (0 - 6)              |
| Calcium oxalate dihydrate           | 0       | (0 - 6)              |
| Amor.Phosphate                      | 0       | (0 - 6)              |
| Uric acid                           | 0       | (0 - 6)              |
| Casts                               | 4       | (0 - 6)              |
| Epithelial Cells                    | 22 H    | (0 - 10)             |
| Bacteria                            | 11      | (0 - 130)            |
| <b>III. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY</b> |         |                      |
| HbA1C (HPLC)¹:                      | *       |                      |
| HbA1c (IFCC)                        | 38.47   | (21.3 - 47.5 mmol/L) |
| HbA1c (NGSP)                        | 5.67    | (4.10 - 6.50 %A1C)   |
| Hb ELECTROPHORESIS:                 | *       |                      |
| Hb H                                | 0.0     | (0.0)                |
| Hb Bart's                           | 0.0     | (0.0)                |
| Hb A                                | 98.0    | (> 97 %)             |
| Hb F                                | 0.0     | (< 2 %)              |
| Hb D-punjab                         | 0.0     | (0.0)                |
| Hb S                                | 0.0     | (0.0)                |

Lấy mẫu tại nhà:

0935 365 116

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:

- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)

- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO

2. \*\* Kết quả báo động

3. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (08) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (08) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (08) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

PID: 6328461 S.T.T.:  
Ngày giờ đăng ký: 08:42:50  
Ngày giờ lấy mẫu: 08:53:26  
**PHIẾU KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM**  
(Bản TTXN.XN.02.1 - Ngày áp dụng: 01/03/2018)

Họ tên: **HÀ THỊ KIM**

Địa chỉ: **ĐƯỜNG TX. 22, P. THANH XUÂN, Q. 12, TP. HCM**

Đơn vị: **Medic**

Năm sinh: **1978** Phái: **Nữ** DT:

Loại mẫu: **Máu/N.Tiểu**

BS yêu cầu: **NGUYỄN.T.T.MAI (PK.TQ)/ 4,NGUYỄN.T.X.HOA  
(PK.PHỤ KHOA)**

| TÊN XÉT NGHIỆM                    | KẾT QUẢ        | KHOẢNG THAM CHIẾU                 | MÃ QT   |
|-----------------------------------|----------------|-----------------------------------|---------|
| Hb E                              | 0.0            | (0.0)                             |         |
| Hb A2                             | 2.0            | (< 3.20 %)                        |         |
| Hb C                              | 0.0            | (0.0)                             |         |
| Hb Other                          | 0.0            |                                   |         |
| IONOGRAMME:                       | *              |                                   | QTSH067 |
| Na                                | 142.2          | (130 - 145 mmol/L)                |         |
| K                                 | 3.94           | (3.40 - 5.1 mmol/L)               |         |
| Ca                                | 2.21           | (2.1 - 2.80 mmol/L)               |         |
| Cl                                | 104.9          | (96 - 108 mmol/L)                 |         |
| Iron (Sắt/HT)                     | 10.22 L        | (50 - 168 μg/dL)                  | QTSH088 |
| Glucose (FPG)¹                    | 5.05           | (3.90 - 5.90 mmol/L)              | QTSH001 |
| GGT¹                              | 23.78          | (M < 55 U/L; F < 36 U/L)          | QTSH004 |
| RF (Quantitative)                 | 4.06           | (≤ 15 U/ml)                       | QTSH107 |
| SGOT (AST)¹                       | 19.08          | (< 35 U/L)                        | QTSH005 |
| SGPT (ALT)                        | 17.62          | (3 - 30 U/L)                      | QTSH013 |
| Uric Acid/Serum                   | 4.38           | (M : 3.4-7.0; F : 2.4-5.7mg/dL)   | QTSH014 |
| hs CRP                            | 2.67           | (≤ 3 mg/L)                        | QTSH028 |
| Urea/ Serum¹                      | 24.43          | (15 - 49 mg/dL)                   | QTSH002 |
| Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)         | *              |                                   |         |
| Creatinin/Serum                   | 0.560          | (M: 0.6 - 1.3; F:0.5 - 1.1 mg/dL) | QTSH027 |
| eGFR (CKD-EPI)                    | 114            | (≥ 90 mL/min/1.73 m²)             |         |
| LDL Cholesterol                   | 2.11           | (< 3.60 mmol/L)                   | QTSH093 |
| HDL Cholesterol                   | 1.17           | (≥ 0.90 mmol/L)                   | QTSH084 |
| Triglycerides                     | 1.16           | (0.5 - 2.30 mmol/L)               | QTSH015 |
| <b>IV. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</b> |                |                                   |         |
| Folate/Serum                      | 22.91          | (> 3.1 ng/ml)                     | QTMD145 |
| Vitamin B12                       | 706.5          | (211 - 911 pg/mL)                 | QTMD197 |
| TSH u.sensitive (3rd G)¹          | 2.34           | (0.32 - 5 μIU/ml)                 | QTMD009 |
| Free T4                           | 1.09           | (0.71 - 1.85 ng/dl)               | QTMD036 |
| HBsAg (Định tính, qualitative)    | NEG S/CO 0.428 | (Index <1; S/Co <1)               | QTMD017 |

Lấy mẫu tại nhà:

0935 365 116

THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:

- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)

- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch

1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2012

2. \*\* Kết quả báo động

3. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại

Số trang: 3/4

H: High - L: Low



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO  
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
KHOA XÉT NGHIỆM (MEDIC - LAB)  
Hotline: (08) 3834 9593 - 1900 6497  
254 Hòa Hảo - P.4 - Q.10 - TP.HCM  
Tel: (08) 3927 0284 (Ext:1134) - Fax: (08) 3927 1224  
Email: admin@medic-lab.com  
www.medic-lab.com/www.medic-lab.com.vn

Họ tên: **HÀ THỊ KIM**

Địa chỉ:

Đơn vị: **Medic**

ĐƯỜNG TX. 22, P. THANH XUÂN, Q. 12, TP. HCM

BS yêu cầu: **NGUYỄN.T.T.MAI (PK.TQ)/ 4,NGUYỄN.T.X.HOA  
(PK.PHỤ KHOA)**

Năm sinh: **1978** Phái: **Nữ** DT: **0**

Loại mẫu: **Máu/N.Tiểu**

| TÊN XÉT NGHIỆM                      | KẾT QUẢ        | KHOẢNG THAM CHIẾU     | MÃ QT   |
|-------------------------------------|----------------|-----------------------|---------|
| Anti HBs (Định lượng, quantitative) | <2.00          | (≥ 10 mIU/mL)         | QTMD123 |
| Anti HCV (Định tính, qualitative)   | NEG S/CO 0.027 | (S/Co < 1; Index < 1) | QTMD018 |
| BetaHCG/Blood                       | <2.00          | (< 5 mIU/mL)          | QTMD129 |
| Troponin-T hs (Roche)               | <3.00          | (< 14 ng/L)           | QTMD016 |

Ngày 03/03/2021  
Khoa Xét nghiệm

Bs. Nguyễn Bảo Toàn



## PAP + SOI CTC



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
Địa chỉ : 254 Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, TP. HCM  
Điện thoại : 028.39270284 - 028.39272136  
Email : hoahao254@medic.com.vn ; Website : www.medic.com.vn



### PHIẾU XÉT NGHIỆM TẾ BÀO CỔ TỬ CUNG (PAP TEST)

ID Medic : **6328461** Ngày nhận mẫu: 03/03/2021 13:54 [Quét QR Code để xem KQ]  
Họ và tên (Name of Patient) : **HÀ THỊ**  
Năm sinh (DOB) : **1978** Nữ PARA :2032  
Địa chỉ (Address) : x. 22 , P. Thanh Xuân , Q. 12 , Tp.

Chẩn đoán lâm sàng (clinical features):

Bác sĩ (Physician) : Bs Dương Đăng Ngọc Phương

Bệnh Viện (Hospital) : CTTNNHYT HÒA HẢO/ PHU KHOA

**KẾT QUẢ TẾ BÀO HỌC CỔ TỬ CUNG (INTERPRETATION):**

LOẠI BỆNH PHẨM ☒ Phết nhúng dịch (Liquid-based preparation) ☐ Phết thường quy (Conventional smear)  
☐ Phết nhúng dịch (-80) ☐ Phết thường quy-(-150)

#### KẾT QUẢ

**BIẾN ĐỔI TẾ BÀO DO VI SINH (Changes due to Organisms)**

- ☐ Trichomonas vaginalis
- ☐ Candida spp.
- ☐ Tập trùng (Shift in flora, bacterial vaginosis)
- ☐ Actinomyces spp.
- ☐ Herpes simplex Virus (Herpes simplex Virus)
- ☐ Human papilloma Virus (Human papilloma Virus)

**BIẾN ĐỔI TẾ BÀO KHÁC (Other non-neoplastic findings)**

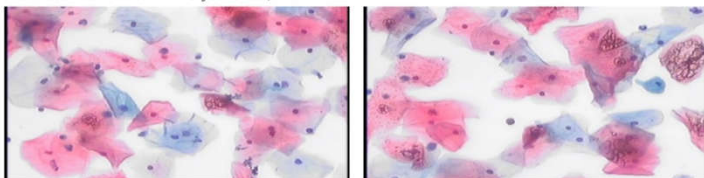
- ☒ Tế bào biến đổi do viêm (Inflammation)
- ☐ Tế bào biến đổi do xạ trị (Radiation)
- ☐ Tế bào biến đổi do vòng tránh thai (with IUD)
- ☐ Tế bào biểu mô teo (Atrophy)
- ☐ Tế bào tuyến sau cắt tử cung (Glandular cells status post hysterectomy)
- ☐ Tế bào nội mạc tử cung ở phụ nữ >=45 tuổi (Endometrial cells in women >=45 years old)

**TẾ BÀO GAI (SQUAMOUS CELLS)**

- ☐ Tế bào gai không điển hình ý nghĩa không xác định (ASC-US)
- ☐ Tế bào gai không điển hình, chưa loại trừ HSIL (ASC-H)
- ☐ Tổn thương trong biểu mô gai grade thấp (LSIL)
- ☐ Tổn thương trong biểu mô gai grade thấp (LSIL)+HPV
- ☐ Tổn thương trong biểu mô gai grade cao (HSIL)
- ☐ Carcinôm tế bào gai (Squamous cell carcinoma)

**TẾ BÀO TUYẾN (GLANDULAR CELLS)**

- ☐ AGC (Atypical endocervical cells)
- ☐ AGC, hướng về K tuyến (Glandular cells, favor neoplastic)
- ☐ Carcinôm tuyến tại chỗ (Endocervical adenocarcinoma in situ)
- ☐ Carcinôm tuyến cổ trong CTC (Endocervical adenocarcinoma)
- ☐ Carcinôm tuyến nội mạc tử cung (Endometrial adenocarcinoma)
- ☐ Carcinôm tuyến loại không đặc hiệu (Adenocarcinoma, NOS)
- ☐ Carcinôm tuyến ngoài tử cung (Adenocarcinoma, extrauterine)



#### KẾT LUẬN (RESULT):

Mẫu thử có các tế bào biểu mô cổ tử cung (cổ ngoài và tuyến cổ trong) bình thường, một số tế bào thay đổi phản ứng kèm tế bào viêm. Thay đổi do viêm nhiễm không đặc hiệu. (Reactive cellular changes associated with inflammation)

Ngày đọc kết quả (Date of interpretation): 05/03/2021

BS đọc kết quả (Cytopathologist)

GS BS. Nguyễn Sào Trung



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - 028.39272136, Mail: hoahao254@medic.com.vn

Đăng ký khám trực tuyến :  
<http://medichh.nthsoft.vn>  
Hoặc app: Medic Hoa Hao



QRCode kết quả



Khoa: **NỘI SOI PHỤ KHOA**  
Máy: **Dio Lite**

### KẾT QUẢ NỘI SOI



ID : **632** ĐK: 03/03/2021  
Họ và tên :  
Địa chỉ :  
Lâm sàng :  
PARA : 2002  
Bác sĩ chỉ định : BS NGỌC PHƯƠNG BV chỉ định : MEDIC

#### VÙNG KHẢO SÁT : NS CỔ TỬ CUNG

- ÂD : NHIỀU DỊCH ĐỤC
- CTC ĐK 3 CM : BIỂU MÔ LÁT CÓ VÀI CỬA TUYẾN + NANG NABOTH, MÔ ĐỆM SUNG HUYẾT
- SAU ACID : KHÔNG THẤY HÌNH ẢNH BẤT THƯỜNG
- JUNCTION : LỖ NGOÀI
- LUGOL : KHÔNG ĐỀU



**KẾT LUẬN : CỔ TỬ CUNG VIÊM TÀI TẠO**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03/03/2021  
(Bác sĩ đã ký)



TVS:

TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA (Tên cũ : TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA MEDIC)

Địa chỉ : 254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP.HCM - ĐT : 028.39270284 - 028.39272136  
Email : hoahao254@medic.com.vn ; Website : www.medic.com.vn

Khoa : SIÊU ÂM 3D - Nhũ - Phòng 3D \_ 1 - Máy: SAMSUNG WS80A

## KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU



\*6328461\*

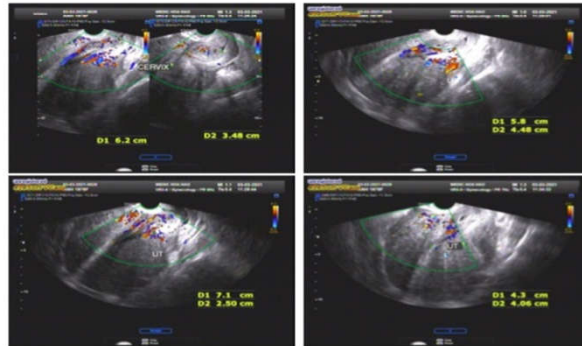
[Quét QR Code để xem KQ]



ID : 6328461 Ngày ĐK: 03/03/2021 11:16  
Họ và tên : HÀ THỊ 43 tuổi Nữ  
Địa chỉ : ông Tx. 22 , P. Thạnh Xuân , Q. 12 , Tp. HCM --  
Lâm sàng : KIỂM TRA  
BS chỉ định : BS. DƯƠNG ĐĂNG NGỌC PHƯƠNG  
BV chỉ định : MEDIC

### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM TVS MÀU

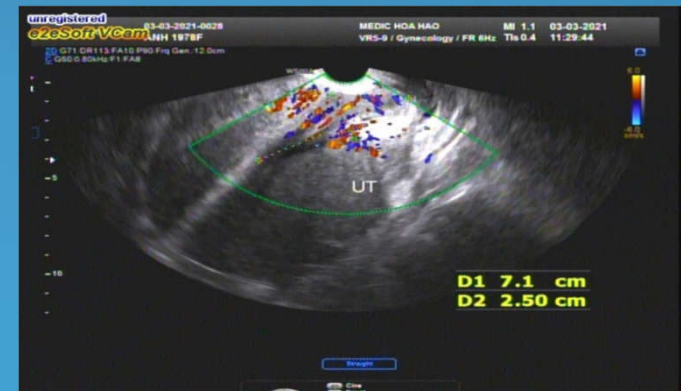
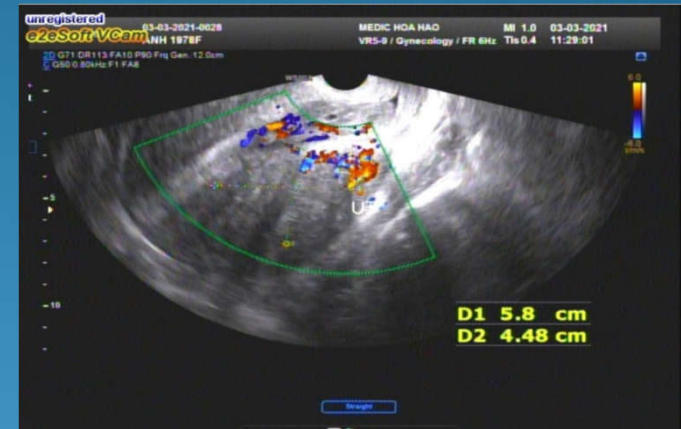
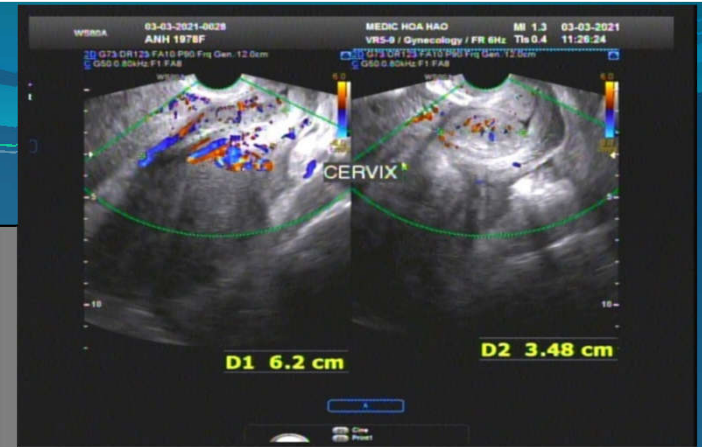
- TỬ CUNG : gấp trước.  
đạp = 98mm LS = 150mm Nội mạc = 15mm, LÔNG TỬ CUNG CÓ CẤU TRÚC ECHO KÉM KHÔNG ĐỒNG NHẤT D= 70x25x40 MM, CHÂN BẨM RỘNG Kéo dài từ giữa thân tử cung đến cổ tử cung (CÁCH LỖ TRONG CỔ TỬ CUNG KHOẢNG 20 MM), CÓ MẠCH MÁU NUÔI.
- Mật độ cơ tử cung không đồng nhất, THÀNH TRƯỚC VÀ SAU THÂN TỬ CUNG CÓ 2 CẤU TRÚC ECHO HỖN HỢP, D= 40x41 MM, 58x45 MM, KHÔNG CÓ VỎ BAO, TĂNG SINH MẠCH
- Buồng trứng Phải : d= 31x19 mm, không u.
- Buồng trứng Trái : d= 36x21 mm, không u.
- Túi cùng Douglas : không dịch.



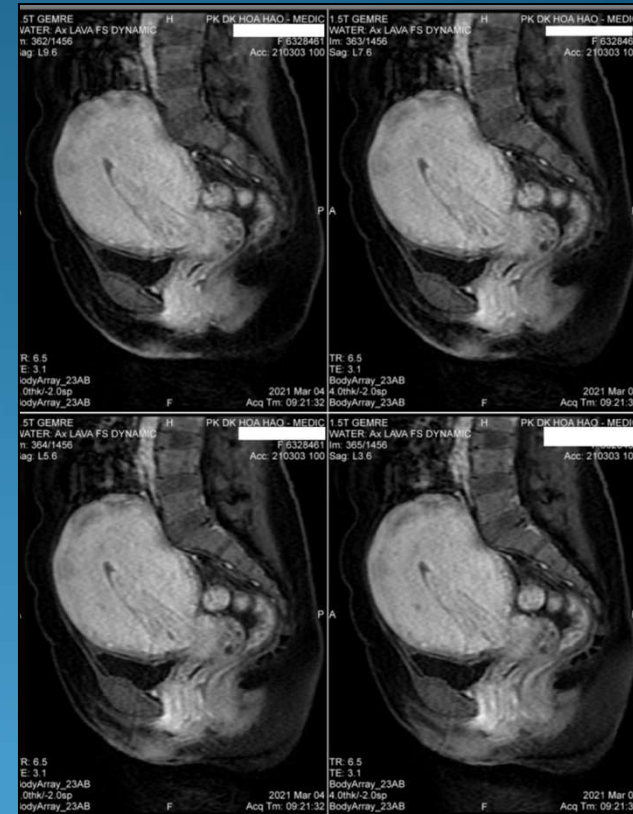
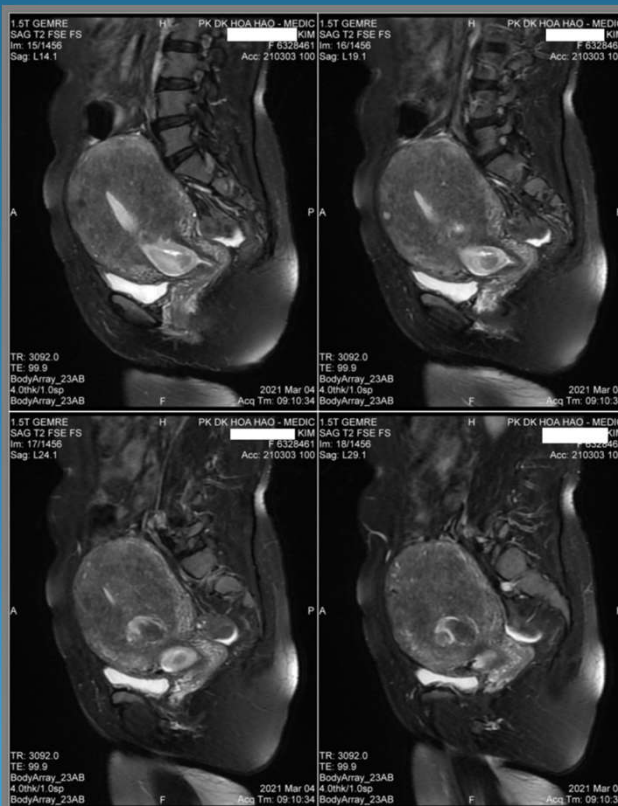
**KẾT LUẬN :** POLYP TO KÊNH CỔ TỬ CUNG + DÂY NỘI MẠC TỬ CUNG. LẠC NỘI MẠC TRONG CƠ TỬ CUNG.

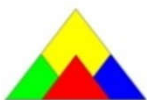
**Đề nghị :**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03/03/2021 11:31  
(Bác sĩ đã ký)



# CHỤP MRI BỤNG CHẬU :





CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
Địa chỉ : 254 Hòa Hảo, Phường 4, Quận 10, TP. HCM  
Điện thoại : 028.39270284 - 028.39272136  
Email : hoahao254@medic.com.vn ; Website : www.medic.com.vn



\*6328461\*

## MEDIC MRI REPORT

STT : 210303100 Ngày ĐK : 03/03/2021 12:09  
Bệnh nhân : HÀ THỊ Tuổi : 43 Nữ  
Địa chỉ : Đường Tx. 22 , P. Thạnh Xuân , Q. 12 , Tp. HCM - ĐT :  
09:  
Bác sĩ chỉ định :  
Bệnh viện : MEDIC Khoa : PK  
LÝ DO KHÁM : KIỂM TRA  
Máy : GE EXPLORER

[Quét QR Code để xem KQ]



Vùng : MRI BỤNG  
Kết quả : KỸ THUẬT

Không, sau đó tiêm tương phản

Hình chụp vùng bụng chậu với máy cộng hưởng từ 1,5tesla có tiêm thuốc tương phản, các thông số kỹ thuật được in ở góc trái mỗi hình.

### MÔ TẢ

Thương tổn trong lòng tử cung kích thước 70x25mm, giới hạn rõ, trên hình T2WI thương tổn có tín hiệu cao hơn tín hiệu cơ tử cung, trên hình T1WI có tín hiệu thấp cơ tử cung, bắt thuốc tương phản ngang cơ tử cung.

Cơ tử cung có tín hiệu không đồng nhất, chỗ thấp chỗ cao trên T2WI và T1WI.

Không thương tổn buồng trứng hai bên.

Không thấy hạch vùng chậu và bẹn hai bên.

Không thấy tràn dịch ổ bụng và chậu.

Không thấy thay đổi tín hiệu bất thường các xương vùng chậu.

Không thấy thương tổn nhu mô gan.

### \*\*\* KẾT LUẬN:

Theo dõi polyp cổ tử cung kích thước 70x25mm. CĐPB: nhân xơ tử cung dưới niêm mạc.

Lạc nội mạc trong cơ tử cung.

**Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04/03/2021 12:10**  
(Bác sĩ đã ký)

- CĐ: TD U xơ cơ TC dưới niêm gây cường kinh thiếu máu / lạc NM cơ TC / VMC lần 2
- ( CĐPB : Polyp nội mạc TC ) -> Chuyển BV TỪ DỮ

**BỆNH VIỆN TỪ DỮ**  
191 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - QUẬN 1 - TP.HCM

**PHIẾU KHÁM PHỤ**

Họ và tên: **HÀ THỊ** Tuổi: 42 Giới tính: Nữ  
Điện thoại: **2022** Para: 2022  
Địa chỉ: **P. THANH XUÂN, Q. 12, TP.HỒ CHÍ MINH** Kinh cuối: Quên

**LÝ DO KHÁM BỆNH**  
Lý do: RONG - CƯỜNG KINH - POLYP/ THIẾU MÁU (NV)  
Triệu chứng:  
Bệnh sử: KINH 5 NGÀY, 1 TIẾNG / UỐT TẢ LỎN, NHIỀU MÁU CỤC

**KHÁM TỔNG QUÁT**  
Mạch: 80 l/p Nhiệt độ: 37°C Huyết áp: 103/79 mmHg  
Nhịp thở: 22 l/p Cân nặng: 47,0 kg Chiều cao: 150 cm  
Tổng trạng: Trung bình Da niêm: Hồng nhạt Tim phổi:  
Bụng: Bụng mềm Khác: BMI: 20,8

**KHÁM PHỤ**  
Âm hộ: Bình thường Tử cung: to # 14 tuần Phản phụ P: không chạm  
Âm đạo: Khí hư trắng đục Cùng đồ: Phản phụ T: không chạm  
TSM: Khác:

**Cổ tử cung** tái tạo:

**Các chỉ định:**  
SA: Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo LẠC NỘI MẠC TRONG CƠ TỬ CUNG + NHÂN XO TỬ CUNG LOẠI 2  
Chẩn đoán: U XƠ TỬ CUNG (D25), DƯỚI NIÊM GÂY CƯỜNG KINH - THIẾU MÁU - VẾT M CŨ 2 LẦN  
Hướng xử trí: HỘI CHẨN KHOA HƯỚNG PT

Ngày 09 tháng 03 năm 2021

**BỆNH VIỆN TỪ DỮ**  
**KHÁM THEO YÊU CẦU**

CHN13

**BỆNH VIỆN TỪ DỮ**  
191 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - QUẬN 1 - TP.HCM  
KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

**KẾT QUẢ SIÊU ÂM**

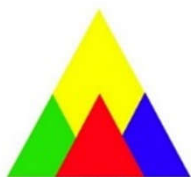
Họ và tên: **HÀ THỊ** Ngày chỉ định: 09/03/2021  
Tuổi: 42 Loại siêu âm: Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo  
Địa chỉ: **P. THANH XUÂN, Q. 12, TP.HỒ CHÍ MINH** Lâm sàng: U XƠ TỬ CUNG, DƯỚI NIÊM GÂY CƯỜNG KINH - THIẾU MÁU  
Điện thoại: 098 BS chỉ định: Nguyễn Quỳnh Chi  
Thư ký: Huỳnh Thị Ngọc Tuyền(NHS)

**KẾT QUẢ**  
**TỬ CUNG:** Trung gian  
Kích thước: 85 x 113 x 106 mm  
(trước sau/dọc/ngang)  
**NỘI MẠC TỬ CUNG**  
- Bề dày: 10 mm  
- Phản âm kém, đồng nhất  
- Bờ nội mạc đều  
**CƠ TỬ CUNG:**  
- Phản âm kém không đồng nhất  
- Thành sau dày hơn và không đối xứng nhau  
- Trong cơ tử cung có nhiều đường sọc bóng lưng và rải rác có vài nang nhỏ  
- Ranh giới giữa cơ tử cung và nội mạc không rõ  
- Thành sau dưới niêm mạc (> 50% trong cơ)  
có vùng echo kém, kích thước # 11 x 38 x 21 mm  
**CỔ TỬ CUNG:** Không có bất thường được nhìn thấy trên siêu âm  
**BUỒNG TRỨNG:**  
- BT Phải: không quan sát được  
Hở chậu (P): chưa phát hiện bất thường  
- BT Trái kích thước: 26 x 19 mm  
Hai thận không ứ nước  
**DỊCH CÙNG ĐỒ-DỊCH Ổ BỤNG:** Không - 15g15

**KẾT LUẬN:** LẠC NỘI MẠC TRONG CƠ TỬ CUNG + NHÂN XO TỬ CUNG LOẠI 2

.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....  
Bác sĩ đọc kết quả

Ngày 09 tháng 03 năm 2021  
Bác sĩ siêu âm



MEDIC  
www.medic.com.vn

SỞ Y TẾ TP. HCM

BỆNH VIỆN TỪ DŨ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHOA: NỘI SOI



1800353953  
MS: 01/BV-01  
Số lưu trữ: 017071  
Mã y tế: / /

### GIẤY RA VIỆN

Họ tên người bệnh: **HÀ THỊ** Năm sinh: **42(1979)**  
Dân tộc: **Kinh** Nghề nghiệp: **Kinh Doanh** Nam/ Nữ: **Nữ**  
Mã số BHXH/Thẻ BHYT số: **GD4793620856121**  
Địa chỉ: **P. THANH XUÂN - Q. 12 - TP. HỒ CHÍ MINH**  
Vào viện lúc: **10 giờ 10 phút** Ngày **11 tháng 03 năm 2021**  
Ra viện lúc: **14 giờ 46 phút** Ngày **17 tháng 03 năm 2021**  
Chẩn đoán: **Lạc nội mạc tử cung ở tử cung (Adenomyosis) (N80.0) Nhân xơ tử cung loại 2(D26) Vết mổ cũ 2 lần (O34.2.0),,**  
Phương pháp điều trị: **Lúc 09:10 ngày 13/03/2021: Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn chưa 2 BT**  
Ghi chú:  
- Tái khám 01 tháng sau xuất viện tại phòng khám phụ khoa địa phương  
- Trong tháng đầu khám ngay khi có gì lạ tại cơ sở y tế gần nhất hoặc Khoa Nội soi Bệnh viện Từ Dũ ( trong giờ hành chánh)  
- 15 ngày sau xuất viện lấy kết quả giải phẫu bệnh tại khoa Nội soi - Lâu 6 - Khu B-C (Từ thứ 2 đến thứ 6, giờ hành chánh).  
- Vết mổ lạnh - Cắt chỉ sau mổ 7 ngày tại địa phương.  
- Chế độ nghỉ BHXH: Mười ngày ( từ ngày 18/03/2021 đến hết ngày 27/03/2021)

ĐÀ KIỂM TRA RA VIỆN

Ngày 17 tháng 03 năm 2021

Ngày 17 tháng 03 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

Trưởng khoa



BS CKII Phạm Nguyễn Ngọc Chương

PHÓ TRƯỞNG KHOA

Yêu cầu: Khi đến bệnh viện lần sau, bệnh nhân nhớ mang theo giấy này

BỆNH VIỆN TỪ DŨ  
KHOA GIẢI PHẪU BỆNH

Mã số: S7033/2021

### PHIẾU CHẨN ĐOÁN GIẢI PHẪU BỆNH

Họ và tên: **HÀ THỊ** Năm sinh: **1979** PARA: **2022**  
Địa chỉ: **Q.12 - TPHCM**  
Số nhập viện: **17071** Khoa/phòng: **Khoa Mổ-GMHS**  
Chẩn đoán lâm sàng: **Bệnh cơ tuyến TC**  
Ngày lấy mẫu: **13/03/2021** Ngày đến khoa GPB: **15/03/2021**  
BS lấy mẫu: **BS Vũ Anh Tuấn**

#### KẾT QUẢ SINH THIẾT:

Người pha bệnh phẩm: **BS. CKI PHẠM HUY HÒA** Pha ngày: **15/03/2021**  
Số mảnh: **4** Phương pháp nhuộm: **Hematoxylin Eosin**  
Tiêu bản làm xong ngày: **16/03/2021** Người làm tiêu bản: **KTV. LA THỊ MỸ HẠNH**

#### 1. MÔ TẢ ĐẠI THỂ:

TC + 2 Ống dẫn trứng  
A: CTC rời # 3cm lằng  
B: TC đã bị xé vụn # 18cm lòng khó xác định, vách cơ dày  
B2: mô nghi u xơ  
C: 2 Ống dẫn trứng # 5x1x1cm nâu dai

#### 2. MÔ TẢ VI THỂ:

A: Niêm mạc lát tầng cổ ngoài và niêm mạc tuyến cổ trong cổ tử cung bình thường, mô đệm ngấm nhiều tế bào viêm mãn tính.  
B1: Nội mạc tử cung có các tuyến dẫn to ngoài ngoài, tế bào tuyến hình trụ cao có đỉnh tiết, nhân tròn hay bầu dục lạnh, mô đệm phù.  
Trong cơ trơn tử cung có thành phần mô đệm và thượng mô tuyến nội mạc tử cung.  
B2: Gồm những tế bào cơ trơn tăng sản xếp thành bó theo nhiều hướng khác nhau. Không thấy hình ảnh phân bào bất thường.  
C: 2 Ống dẫn trứng lạnh

#### 3. CHẨN ĐOÁN GIẢI PHẪU BỆNH:

**BỆNH CƠ TUYẾN THẬN TỬ CUNG - N80.0**  
**U CƠ TRƠN TỬ CUNG LẠNH - D25 - 8890/0**

#### 4. SỰ PHÙ HỢP VỚI CHẨN ĐOÁN LÂM SÀNG:

**PHÙ HỢP**

BS. GIẢI PHẪU BỆNH

Trả ngày 17 tháng 3 năm 2021  
TRƯỞNG KHOA GIẢI PHẪU BỆNH

BS. TRẦN THỊ VĂN ANH

BS CK I. PHẠM HUY HÒA

Đã xem kết quả ngày: **24** tháng **3** năm 2021

BS. ĐIỀU TRỊ

Ngày in: **19/03/2021 10:52:39**

BS. Vũ Anh Tuấn



# TH 3 :

- Bn : TÔ THỊ S., 58F, LÂM ĐỒNG ,  
PARA : 3003, ID : 5065205
- Tiền căn: **Mãn kinh 8 năm**  
**Biết UX cơ TC cách 2 năm :bv địa phương ?** được tư vấn : lành tính ,  
kt nhỏ , sẽ từ từ nhỏ dần sau này -  
> không theo dõi tiếp sau đó , BN  
chưa từng khám phụ khoa .
- Lý do khám : **XH âm đạo** lượng ít  
cách 3 ngày
- KHÁM : +MV :Â Đ: ít huyết sậm chảy  
ra từ lỗ CTC , CTC lằng teo .  
+TV : TC to , kt TC#TC mang thai  
12ws, chắc , ấn không đau , ít di  
động, 2PP khó xác định



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - 028.39272136, Mail: hoahao254@medic.com.vn

Đăng ký khám trực tuyến :  
<http://medichh.nthsoft.vn>  
Hoặc app: Medic Hoa Hao



QRCode kết quả



Khoa : **SIÊU ÂM TỔNG QUÁT** - Phòng 17

Máy: **ALOKA -ProSound α7**

**KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU**

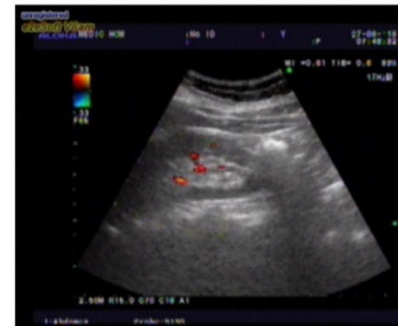


\*5065205\*

ID : **5065205** Ngày ĐK: 27/08/2018 07:46  
Họ và tên : **TÔ THỊ** **58 tuổi Nữ**  
Địa chỉ : x. phước cát 1, h. cái tiên, t. lâm đồng -- 032  
Lâm sàng :  
BS chỉ định : BV chỉ định :

## VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT MÀU

- GAN: Không to, bờ đều, cấu trúc đồng dạng, không sang thương khu trú.
- MẬT: túi mật không sỏi, vách mỏng. Đường mật trong gan không giãn. Ống mật chủ không sỏi, không giãn.
- TỤY: Cấu trúc, kích thước bình thường. LÁCH: không to, đồng dạng.
- THẬN P: không sỏi, không ứ nước. THẬN T: không sỏi, không ứ nước.
- BÀNG QUANG: không sỏi, không bướu, vách mỏng.
- TỬ CUNG: CÓ KHỐI ECHO DÀY NHIỀU NỐT VỎI D= 6 CM- BUỒNG TRỨNG không u.
- Động mạch chủ bụng không phình.
- Ascites (-). Không hạch ổ bụng.
- Không tràn dịch màng phổi.



**KẾT LUẬN:** U NHIỀU NỐT VỎI TỬ CUNG- CĐPB U BUỒNG TRỨNG

**Đề nghị:**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27/08/2018 07:48  
(Bác sĩ đã ký)

# PAP + SOI CTC :

Chẩn đoán lâm sàng (clinical features): CTC LÃNG/MK

Bác sĩ (Physician) : Bs Dương Đăng Ngọc Phương

Bệnh viện (Hospital) :

CTTNHHTT HÓA HẢO/ PHỤ KHOA

## KẾT QUẢ TẾ BÀO HỌC CỔ TỬ CUNG (INTERPRETATION):

LOẠI BỆNH PHẨM ☒ Phết nhúng dịch (Liquid-based preparation) ☐ Phết thường quy (Conventional smear)  
☐ Phết nhúng dịch-(80) ☐ Phết thường quy-(150)

### KẾT QUẢ

#### BIẾN ĐỔI TẾ BÀO DO VI SINH (Changes due to Organisms)

- ☐ *Trichomonas vaginalis*
- ☐ *Candida spp.*
- ☐ Tập trùng (Shift in flora, bacterial vaginosis)
- ☐ *Actinomyces spp.*
- ☐ *Herpes simplex Virus* (*Herpes simplex Virus*)
- ☐ *Human papilloma Virus* (*Human papilloma Virus*)

#### BIẾN ĐỔI TẾ BÀO KHÁC (Other non neoplastic findings)

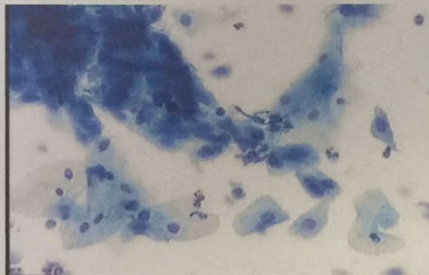
- ☒ Tế bào biến đổi do viêm (Inflammation)
- ☐ Tế bào biến đổi do xạ trị (Radiation)
- ☐ Tế bào biến đổi do vòng tránh thai (with IUD)
- ☒ Tế bào biểu mô teo (Atrophy)
- ☐ Tế bào tuyến sau cắt tử cung  
(Glandular cells status post hysterectomy)
- ☐ Tế bào nội mạc tử cung ở phụ nữ  $\geq 45$  tuổi  
(Endometrial cells in women  $\geq 45$  years old)

#### TẾ BÀO GAI (SQUAMOUS CELLS)

- ☐ Tế bào gai không điển hình ý nghĩa không xác định (ASC-US)
- ☐ Tế bào gai không điển hình, chưa loại trừ HSIL (ASC-H)
- ☐ Tổn thương trong biểu mô gai grade thấp (LSIL)
- ☐ Tổn thương trong biểu mô gai grade thấp (LSIL)+HPV
- ☐ Tổn thương trong biểu mô gai grade cao (HSIL)
- ☐ Carcinôm tế bào gai (Squamous cell carcinoma)

#### TẾ BÀO TUYẾN (GLANDULAR CELLS)

- ☐ AGC (Atypical endocervical cells)
- ☐ AGC, hướng về K tuyến (Glandular cells, favor neoplastic)
- ☐ Carcinôm tuyến tại chỗ (Endocervical adenocarcinoma in situ)
- ☐ Carcinôm tuyến cổ trong CTC (Endocervical adenocarcinoma)
- ☐ Carcinôm tuyến nội mạc tử cung (Endometrial adenocarcinoma)
- ☐ Carcinôm tuyến loại không đặc hiệu (Adenocarcinoma, NOS)
- ☐ Carcinôm tuyến ngoài tử cung (Adenocarcinoma, extrauterine)



### KẾT LUẬN (RESULT):

Thay đổi tế bào do teo kết (Atrophic epithelial cells) kèm viêm: gồm các tế bào cổ ngoài và cổ trong, phần lớn có ít bào tương, teo kết trên nền nhiều lymphô bào và bạch cầu đa nhân. (Atrophic epithelial cells with nonspecific inflammatory reaction).





# TVS :



TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - 028.39272136, Mail: hoahao254@medic.com.vn

Đăng ký khám trực tuyến :  
<http://medichh.nthsoft.vn>  
Hoặc app: Medic Hoa Hao



QRCode kết quả



Khoa : **SIÊU ÂM 3D - Nhũ - Phòng 3D \_ 1**  
Máy: **SAMSUNG WS80A**

## KẾT QUẢ SIÊU ÂM MÀU

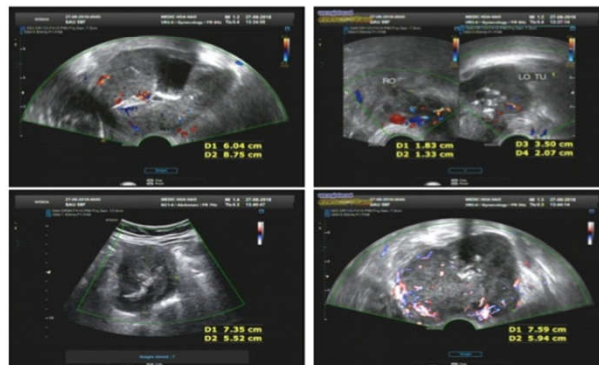


\*5065205\*

ID : **5065205** Ngày ĐK: 27/08/2018 13:34  
Họ và tên : **TÔ 1** 58 tuổi Nữ  
Địa chỉ : h. cái tiên, t. lâm đồng -- 03  
Lâm sàng : **XH ÂM ĐẠO 3 NGÀY**  
BS chỉ định : **BS PHƯƠNG** BV chỉ định : **MD**

### VÙNG KHẢO SÁT : SIÊU ÂM TVS MÀU

- CỔ TỬ CUNG : KHÔNG U.
- TỬ CUNG : Ngả sau  
đạp = 66 mm LS = 87mm Nội mạc = 5mm, không đồng nhất.
- THÂN TỬ CUNG CÓ CẤU TRÚC ECHO KÉM ĐÍNH VÀO BUỒNG TRỨNG TRÁI, BỜ ĐA CUNG KHÔNG ĐỀU, D = 60X76 MM, CÓ NHIỀU NỐT VI VỎI, TĂNG SINH MẠCH MÁU NHIỀU
- Buồng trứng Phải : d= 13X18mm, không u.
- Buồng trứng Trái : không quan sát rõ.
- Túi cùng Douglas : không dịch.

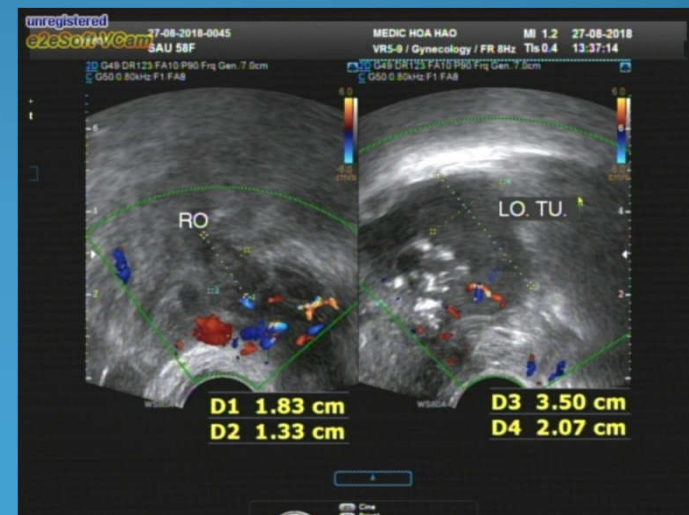
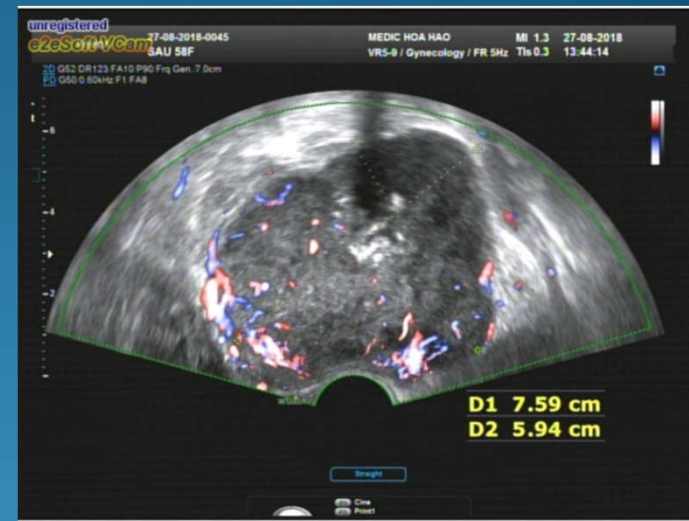


**KẾT LUẬN :** THEO DÕI K THÂN TỬ CUNG ĐÍNH VÀO PHẦN PHỤ TRÁI

**Đề nghị :** CHỤP MRI VÙNG CHẬU

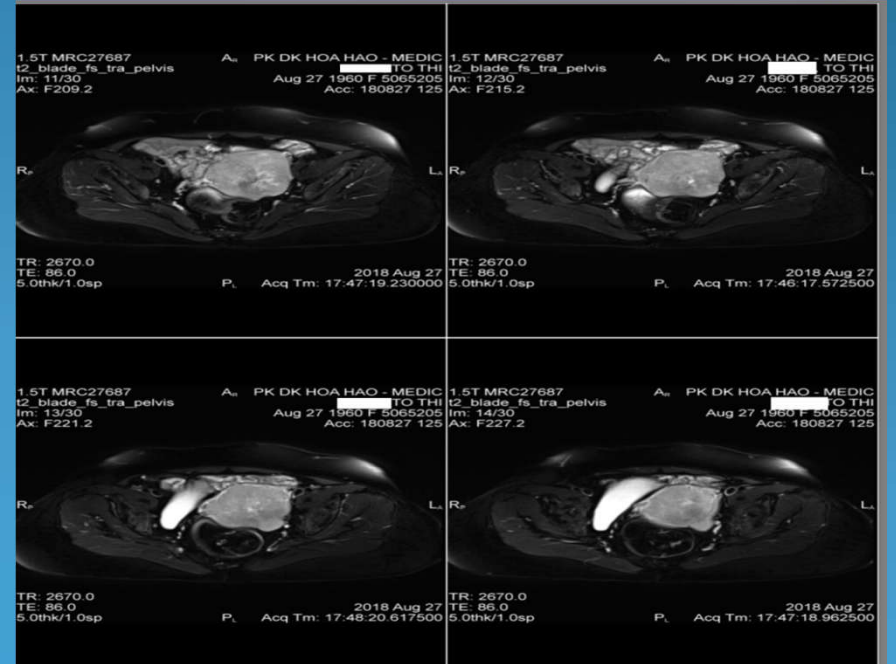
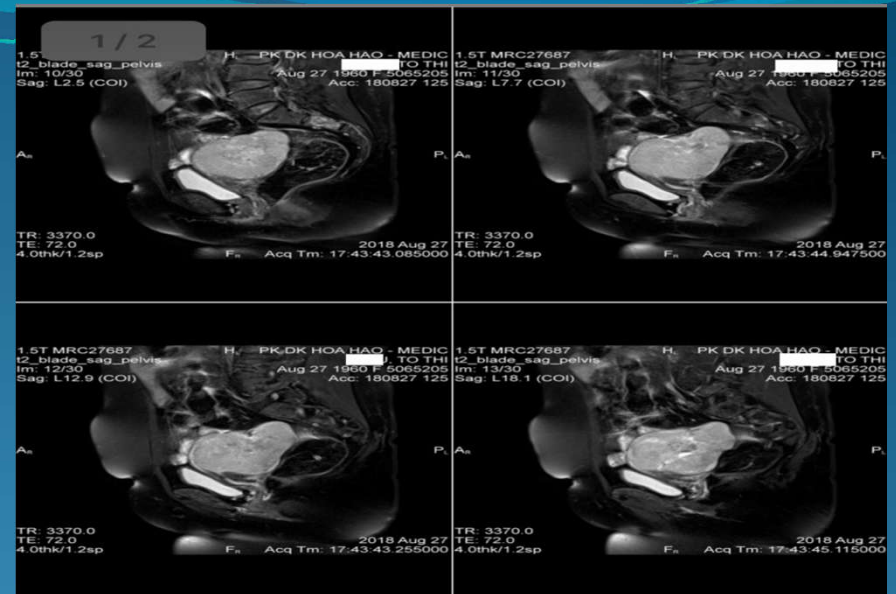
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27/08/2018 13:36  
(Bác sĩ đã ký)

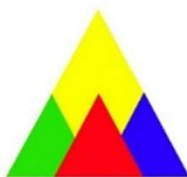
Bs. CKII. Thanh Xuân



## MRI VÙNG BỤNG :

1.5T MRC27687 H PK DK HOA HAO - MEDIC  
Ex: 1 SAU, TO THI  
t1\_tse\_sag-post gado Aug 27 1960 F 5065205  
C: GADOVIST Acc: 180827 125  
Se: 23/22 2018 Aug 27  
Im: 9/20 Acq Tm: 18:07:59.942500  
Sag: R5.9 384 x 384  
Mag: 1.0x  
A P  
ET: 3  
TR: 480.0  
TE: 11.0  
4.0thk/0.8sp  
Id:DCM / Lin:DCM / Id:ID  
W:858 L:489 F DFOV: 35.0 x 35.0cm





MEDIC  
www.medic.com.vn



CÔNG TY TNHH Y TẾ HÒA HẢO - PHÒNG KHÁM ĐA KHOA  
(Tên cũ: TRUNG TÂM CHẨN ĐOÁN Y KHOA - MEDIC)  
254 Hòa Hảo, P.4, Q.10, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: 028.39270284 - 028.39272136, Mail: hoahao254@medic.com.vn

Đăng ký khám trực tuyến :  
<http://medichh.nthsoft.vn>  
Hoặc app: Medic Hoa Hao



QRCode kết quả



## MEDIC MRI REPORT



\*5065205\*

STT : 180827125 Ngày ĐK : 27/08/2018 14:12  
Bệnh nhân : TÔ THỊ Tuổi : 61 Nữ  
Địa chỉ : t. lâm đồng - ĐT : 032  
Bác sĩ chỉ định : BS DƯƠNG ĐẶNG NGỌC PHƯỢNG  
Bệnh viện : MEDIC Khoa : PK  
LÝ DO KHÁM : K thân TC  
Máy : SIEMEN AVANTO  
Vùng : MRI BỤNG CHẬU Không, sau đó tiêm tương phản  
Kết quả : KỸ THUẬT:  
Hình chụp vùng bụng chậu với máy cộng hưởng từ 1,5tesla, không và có tiêm thuốc tương phản Gadovist (5ml), chuỗi xung Axial và coronal T2WI fatsat, T1GRE, các thông số kỹ thuật được in ở góc trái mỗi hình MÔ TẢ:  
Không thấy có thương tổn hay tín hiệu bất thường vùng gan phải và trái.  
Không dẫn đường mật trong và ngoài gan. Túi mật không to.  
Không thấy huyết khối tĩnh mạch cửa.  
Lách cường độ tín hiệu trong giới hạn bình thường.  
Tụy tín hiệu bình thường.  
Hai thận bình thường, không chướng nước.  
Mass thận tử cung, kích thước: 78x60, tín hiệu không đồng nhất, cao trên T2WI, trung gian trên T1GRE, bất tương phản không đều. Tổn thương chưa xâm lấn khỏi thanh mạc.  
Không hạch bụng chậu. Không thấy tràn dịch ổ bụng.  
Tổn thương thận sống T10, S2 với tăng tín hiệu trên T2FS, bất tương phản không đều.  
\*\*\* KẾT LUẬN:  
K thân tử cung, chưa xâm lấn khỏi thanh mạc.  
Tổn thương thận sống T10, S2. Chưa loại trừ di căn.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27/08/2018 17:57  
(Bác sĩ đã ký)

BN được PT + hóa trị T10/2018 ( BV UB ) : sức khỏe ổn ,  
tái khám định kỳ mỗi 3-> 6 tháng : từ 2018-> 2019

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH  
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU  
KHOA XẠ 2 (Hạt nhân)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
GIẤY RA VIỆN

MS : 01/BV-01  
Số lưu trữ :  
Mã Số bệnh nhân: 1808019189  
Số vào viện: 0041888/18

Năm sinh: 1960 Nam /Nữ: X

- Họ tên người bệnh: TÔ TH [redacted]  
- Dân tộc: Kinh Nghề nghiệp: Khác  
- BHYT: giá trị từ: 29/09/2018 đến 28/09/2019 Số: GD 4 68 6822 574136  
- Địa chỉ: [redacted] Lâm Đồng  
- Vào viện lúc: 09 giờ 09 phút, ngày 5 tháng 10 năm 2018  
- Ra viện lúc: 09 giờ 18 phút, ngày 18 tháng 10 năm 2018  
- Chẩn đoán: Sarcôm thân tử cung đã mổ (C54), giai đoạn: IIIc  
- Giải phẫu bệnh: Sarcôm cơ trơn grad 1  
- Phương pháp điều trị: Nội khoa (Bs Lê Anh Phương)  
- Ghi chú: Chuyển khoa Nội 1 điều trị.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018

TRƯỞNG KHOA  
PHÓ TRƯỞNG KHOA

Họ tên: TS.BS. Trần Đăng Ngọc Linh

Họ tên: BS. Nguyễn Thế Hiền

# Năm 2020: phát hiện di căn gan và phổi : hóa trị đợt 2

SỞ Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH  
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU  
NỘI 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
**GIẤY RA VIỆN**

MS: 01/BV-01  
Số lưu trữ:  
Mã Số bệnh nhân: 1808019189  
Số vào viện: 0041888/18

- Họ tên người bệnh: TÔ TH Năm sinh: 1960 Nam /Nữ: X  
- Dân tộc: Kinh Nghề nghiệp: Khác  
- BHYT: giá trị từ: 29/09/2020 đến 28/09/2021 Số: 

|    |   |    |      |        |
|----|---|----|------|--------|
| GD | 4 | 68 | 6822 | 574136 |
|----|---|----|------|--------|

  
- Địa chỉ: Lâm Đồng  
- Vào viện lúc: 08 giờ 08 phút, ngày 19 tháng 10 năm 2020  
- Ra viện lúc: 10 giờ 51 phút, ngày 26 tháng 10 năm 2020  
- Chẩn đoán: Sarcôm thân tử cung đã mổ (C54), giai đoạn: IIIc, C54  
- Giải phẫu bệnh: Sarcôm cơ trơn grad 1  
- Phương pháp điều trị: HÓA TRỊ GEM+DOC 5 CHU KỲ  
- Ghi chú: XUẤT ĐỢT- chuyển khoa ngoại phụ khoa

Ngày 26 tháng 10 năm 2020 Ngày 26 tháng 10 năm 2020  
TRƯỞNG KHOA  
Họ tên: BS CKII Lê Thị Nhiều

TƯ QUẢN GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN  
Họ tên: BS Nguyễn Tuấn Khôi

## BÀN LUẬN :

- **TH 1:** UXCTC tuy theo dõi định kỳ nhưng vẫn phát triển lớn nhanh + bệnh lý thận nghiêm trọng kèm theo -> PT sớm .
- **TH 2 :** BN đã từng dt một thời gian dài vì cường kinh+ thống kinh/ UXCTC -> không đáp ứng tốt -> bỏ theo dõi 1 năm -> ảnh hưởng tâm lý và chất lượng cuộc sống BN một thời gian dài

CĐPB: UXCTC dưới niêm và polyp nội mạc TC

- **TH 3 :** đa số UXCTC giảm dần kích thước khi MK -> tâm lý chủ quan khi biết có NX nhưng không theo dõi định kỳ .

Chẩn đoán LS sarcoma TC là một thách thức , bởi sự biệt hóa đa dạng , dấu hiệu LS nghèo nàn, không đặc hiệu -> khi phát hiện bệnh đã chuyển biến giai đoạn xấu .

## BÀN LUẬN ( TT ) :

- SIÊU ÂM : có vai trò rất quan trọng trong phân loại UXCTC :dựa vào vị trí UXCTC theo FIGO 2011 -> giúp bs lâm sàng có định hướng theo dõi và điều trị tốt hơn .
- Ngoại trừ biến chứng gây ra rất hiếm như các TH trên ,xu hướng ngày nay UXCTC theo dõi và điều trị nội khoa ngày càng nhiều , các thủ thuật thay thế phẫu thuật ( đặc biệt là UAE ) : đã thực hiện từ lâu , và rất nhiều ca ở MEDIC
- >giúp cho BN tránh những cuộc phẫu thuật (tránh những tai biến , di chứng do mổ và giảm tổn kém chi phí cho BN ) .

## TÀI LIỆU THAM KHẢO :

- <http://benhuxo.vn/phac-do-dieu-tri-u-xo-tu-cung-chi-tiet-4656/>
- <https://luatvietnam.vn/y-te/quyet-dinh-3780-qd-byt-2019-tai-lieu-huong-dan-lam-sang-xu-tri-u-xo-co-tu-cung-176363-d1.html>
- <http://hosrem.org.vn/detailNews/thuvien/huong-dan-lam-sang-xu-tri-u-xo-co-tu-cung-2019-5248>
- Quản lý nào cho u – xơ cơ tử cung : nội hay ngoại khoa , tháng 9/2019 , Đại học Y Dược TPHCM.



XIN CẢM ƠN THẦY CÔ VÀ  
CÁC ANH CHỊ